

Bản tin THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 24 NĂM 2019

KỲ 02 THÁNG 12 NĂM 2019

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 47/GP-XBBT

Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 18/12/2019 đến 27/12/2019

5 Nâng cao năng lực dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất và thương mại các sản phẩm nông nghiệp

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

7 Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2019 ước tăng 1,2%

10 Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ tăng mạnh

14 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản năm 2019 tăng khá

THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

16 Yên Bái tăng cường xây dựng thương hiệu nông, thủy sản và đẩy mạnh thị trường tiêu thụ

18 Một số giải pháp chống ùn ứ xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc của Bộ Công Thương

20 Lễ hội Cam và các sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh lần thứ 3

21 136 tỷ đồng cho Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia 2020

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

22 Khuyến cáo về việc sử dụng Ethoxyquin trong thức ăn thủy sản

22 Bộ Công Thương ban hành Thông tư bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

24 Giá nông sản thế giới biến động trái chiều

27 Nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản tăng liên tiếp trong 3 năm trở lại đây

28 TIN VĂN

TỔNG QUAN

Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong năm 2019 nhìn chung gặp nhiều khó khăn do hạn hán, nắng nóng kéo dài ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng. Dịch tả lợn châu Phi lây lan trên tất cả các địa phương gây thiệt hại nặng nề cho ngành chăn nuôi và ảnh hưởng tới người tiêu dùng. Tính đến tháng 12/2019, đàn lợn giảm 25,5%; sản lượng thịt lợn đạt 3.289,7 nghìn tấn, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, ngành thủy sản đạt mức tăng trưởng cao, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ghi nhận mức tăng trưởng lần lượt 6,5% và 4,5% so với năm trước. Tính chung trong năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng GDP 7,02% của toàn nền kinh tế.



Về diễn biến giá trong nước, trong năm 2019, ngoại trừ giá cao su tăng mạnh thì các mặt hàng nông, thủy sản khác đều giảm. Trong đó, giá cá tra giảm rất mạnh do xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ giảm mạnh cộng với việc giá cá tra năm 2018 lên cao

khiến nhiều hộ dân tăng mạnh sản lượng, dẫn đến cung vượt cầu. Tại thời điểm cuối năm 2019, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp đã giảm tới 35,9% so với cuối năm 2018 xuống 20.500 đồng/kg, là mặt hàng có giá giảm mạnh nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản.

Đối với hoạt động xuất khẩu, trong năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 35,9 tỷ USD, tăng 1,2% so với năm 2018 cho dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trước hàng loạt biến động đến từ thị trường thế giới. Trong đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có sự tăng trưởng vượt bậc, trở thành điểm sáng của toàn ngành nông nghiệp năm 2019 với mức tăng trưởng 18,2% lên 10,53 tỷ USD, tiếp tục củng cố vững chắc vị trí mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong toàn ngành nông nghiệp.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu các mặt hàng thủy sản và nông sản chính có sự sụt giảm kim ngạch so với năm trước. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông sản chính trong năm qua ước đạt 16,8 tỷ USD, giảm 5,6%; xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,57 tỷ USD, giảm 2,4% so với năm 2018. Trong năm 2020, trước hàng loạt thách thức, khó khăn phải đối mặt, các Bộ, ngành sẽ tiếp tục phối hợp trong việc đàm phán để tháo gỡ các quy định, rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại, đặc biệt là đối với các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, EU, ASEAN... nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng nhóm hàng nông, thủy sản.

Một số thông tin đáng chú ý:

▶ Trong 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Mỹ đạt 7,58 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2018 và Mỹ là thị trường lớn thứ 2 về xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam.

▶ Bộ Nông lâm Ngư nghiệp của Nhật Bản thông báo chính thức mở cửa cho quá vài triệu của Việt Nam xuất khẩu trực tiếp sang Nhật Bản, từ ngày 15/12/2019.

▶ Vụ Thị trường châu Á - châu Phi (Bộ Công Thương) đưa ra một số khuyến cáo đối với người nông dân, doanh nghiệp khi xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc trong dịp Tết Nguyên đán.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG KỶ TỪ NGÀY 18/12/2019 ĐẾN 27/12/2019

Trong nửa cuối tháng 12/2019, giá gạo, cao su, hạt điều tiếp tục xu hướng tăng trong khi giá cà phê, thủy sản lại có xu hướng giảm. Tính chung trong năm 2019, ngoại trừ giá cao su tăng mạnh thì các mặt hàng nông, thủy sản khác đều giảm. Diễn biến cụ thể như sau:

+ Trong năm 2019, cao su là mặt hàng duy nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản có sự gia tăng về giá. Theo đó, giá mủ cao su đã tăng từ 30% - 44% trong năm 2019, dao động từ 30.500 - 31.000 đ/kg đối với mủ cao su nước, 12.400 đ/kg đối với mủ chén, dây khô... Thị trường cao su khởi sắc ngay từ đầu năm 2019 bất chấp những tín hiệu kém tích cực về tình hình tiêu thụ tại Trung Quốc - thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới. Nguyên nhân khiến giá cao su tăng trong năm 2019 là do động thái cắt giảm xuất khẩu của 3 nhà cung cấp cao su hàng đầu thế giới là Thái Lan, Malaysia, Indonesia. Ngoài ra, dịch nấm trên cây cao su cũng dẫn tới những lo ngại về nguồn cung cao su toàn cầu trong những tháng cuối năm 2019.



+ Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), giá gạo nguyên liệu IR 504 và gạo thành phẩm IR 504 tăng 4,4% - 6,7% so với nửa đầu tháng 12/2019, đạt 7.100 đ/kg và 8.000 đ/kg. Tuy nhiên, so với cuối năm 2018 giá gạo hiện vẫn thấp hơn 1,8% - 2,1%, trong khi giá tấm gạo

và giá cám cũng giảm từ 6,4% - 10,1%. Thời điểm cuối năm 2019, giá lúa 504 thu hoạch sớm tại Tiền Giang tăng lên 4.800 đ/kg, ST20 và ST24 ở mức 7.500 đ/kg, gạo nếp 3,5 tháng Đông Xuân sớm tại An Giang đạt 6.700 đ/kg. Trong khi đó, tại Long An, giá lúa OM các loại (OM 4900, OM 697...) dao động từ 5.000 - 6.100 đ/kg; gạo Đài thơm từ 5.300 - 5.500 đ/kg; gạo Nàng Hoa từ 5.600 - 5.800 đ/kg; ST24 từ 7.000 - 7.200 đ/kg. Gạo nếp có giá từ 6.800 - 7.200 đ/kg.

Giá xuất khẩu gạo 5% tấm của Việt Nam tăng 10 USD/tấn so với nửa đầu tháng 12/2019 lên mức 355- 360 USD/tấn. Mặc dù hàng tồn kho trong nước không còn nhiều, nhưng giá khó có thể tăng trong ngắn hạn do nhu cầu dự kiến sẽ không có nhiều biến động cho tới tháng 2/2019, khi nguồn cung của vụ Đông Xuân được cung ứng ra thị trường.

+ Giá cà phê nhân xô tại khu vực Tây Nguyên trong kỳ từ ngày 18/12 đến 27/12/2019 giảm nhẹ 3% so với nửa đầu tháng 12/2019 và giảm 3,3% so với cuối năm 2018, đạt 32.300 đ/kg. Hoạt động giao dịch trầm lắng do các thương nhân bước vào thời kỳ nghỉ lễ cuối năm và Tết Dương lịch 2020. Đồng thời, hoạt động bán ra chậm do giá thấp. Trong khi đó, theo dự báo cung - cầu cà phê niên vụ 2019/20 từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu dự báo đạt 169,3 triệu bao (loại 60 kg) trong niên vụ 2019/20, cao hơn so với nhu cầu tiêu thụ là 166,4 triệu bao. Trong đó, Braxin dự báo mất mùa cà phê Arabica (giảm 8,3 triệu bao) nhưng được mùa cà phê Robusta (tăng 1,5 triệu bao); Việt Nam ước đạt 32,2 triệu bao và xuất khẩu khoảng 25,5 triệu bao cà phê; Indonesia đạt khoảng 10,7 triệu bao. Trong bối cảnh cung vượt cầu, giá cà phê nhiều khả năng sẽ còn duy trì ở mức thấp trong năm 2020.

+ Năm 2019 tiếp tục là năm nhiều khó khăn với ngành hạt tiêu Việt Nam khi giá bán giảm tới 19,8% so với cuối năm 2018, xuống còn 42.500 đ/kg tính tới ngày 27/12/2019. Xuất khẩu hạt tiêu năm 2020 dự báo sẽ tiếp tục phải đối mặt với khó khăn do giá ở mức thấp trong khi cung vượt cầu và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới.

+ Nhu cầu cuối năm ở mức cao nên giá nhân điều xô tại Bình Phước tiếp tục tăng thêm 200 đ/kg so với nửa đầu tháng 12/2019, lên mức 36.000 đ/kg. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn 5,1% so với cuối năm 2018.

+ Việc nuôi, chế biến và xuất khẩu cá tra đang trong giai đoạn rất khó khăn do giá cá nguyên liệu sụt giảm và ở mức rất thấp. Theo báo cáo của Hiệp hội Cá tra Việt Nam (Vinapa), năm 2019, diện tích nuôi mới và sản lượng thu hoạch cá tra giảm so với năm 2018.

Ước sản lượng cá tra năm 2019 đạt 1,23 triệu tấn, giảm 6% so với năm 2018. Sản lượng giảm nhưng giá cá tra nguyên liệu biến động ở mức thấp vào cuối năm. Nếu năm 2018, giá cá tra nguyên liệu ở mức cao nhất là 36.000 đ/kg thì đến đầu năm 2019, giá cao nhất chỉ còn 31.000 đ/kg; đến tháng 2 bắt đầu giảm dần và đến cuối năm 2019 còn khoảng 20.000 – 20.500 đ/kg. Giá cá tra nguyên liệu giảm mạnh khiến người nuôi không dám đầu tư vụ mới dẫn đến giá cá giống cũng giảm theo. Năm 2019, giá cá giống ở mức cao vào đầu năm nhưng đến tháng 3/2019 giảm còn 30.000 đ/kg, hiện nay chỉ ở quanh mức 26.000 đ/kg. Xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ giảm mạnh kết hợp với việc giá cá tra năm 2018 lên cao khiến nhiều hộ dân tăng mạnh sản lượng từ năm 2018 và đầu năm 2019 khiến nhiều thời điểm cung vượt cầu.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 27/12/2019

Tên hàng	Ngày 27/12/2019 (đ/kg)	So với ngày 17/12/2019 (%)	So với ngày 27/11/2019 (%)	So với cuối năm 2018 (%)
Gạo NL IR 504	7.100	4,4	7,6	-2,1
Gạo thành phẩm IR 504	8.000	6,7	8,1	-1,8
Tấm gạo IR 504	7.100	6,0	6,0	-10,1
Cám vàng	5.150	-6,4	-14,9	-6,4
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.300	-3,0	-1,8	-3,3
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	37.000	0,5	4,2	-5,1
Điều W240	255.000	0,0	0,0	-11,8
Điều W 320	246.000	0,0	0,4	-8,9
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	42.500	0,0	1,2	-19,8
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.200	0,0	-4,3	-21,4
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	2.800	0,0	0,7	
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền Bắc (mua xô)	1.700	0,0	-2,9	-33,3
Mủ chén, dây khô	12.400	0,8	3,3	44,2
Mủ chén ướt	8.600	2,4	3,6	43,3
Mủ đông khô	11.200	0,9	3,7	43,6
Mủ đông ướt	9.000	1,1	3,4	42,9
Mủ cao su nước tại vườn	30.500	1,7	6,3	29,8
Mủ cao su nước tại nhà máy	31.000	1,6	6,2	29,2
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	20.500	2,5	5,1	-35,9
Tôm càng xanh (15 - 20 con/kg) Đồng Tháp	220.000	-4,3	0,0	-15,4
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	50.000	-9,1	-9,1	-16,7
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	100.000	-16,7	-23,1	-33,3
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	350.000	9,4	6,1	25,0
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	-4,0	-7,7	4,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NÂNG CAO NĂNG LỰC DỊCH VỤ LOGISTICS NHẪM ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP



Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản là một trong những thế mạnh của Việt Nam, hiện chiếm khoảng 18 – 20% tổng sản phẩm quốc gia, nhưng nhìn chung sản lượng xuất khẩu vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng. Một trong những nguyên nhân chính tác động tiêu cực lên tăng trưởng xuất khẩu nông sản là những bất cập trong hoạt động logistics.

Trong thời gian qua, ngành logistics có mức tăng trưởng cao 13 - 15%. Số lượng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics hiện nay là khoảng 4.000 doanh nghiệp, bao gồm cả dịch vụ kho bãi, giao nhận, vận tải... Sự phát triển của ngành logistics đồng thời sẽ tạo điều kiện để Việt Nam nhanh chóng trở thành một trung tâm sản xuất mới trong khu vực, có năng suất lao động cao và năng lực cạnh tranh tốt. Tuy vậy, ngành logistics Việt Nam vẫn còn nhiều điểm yếu. Trong đó, đáng chú ý nhất là chi phí logistics còn ở mức cao,

làm giảm lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam so với các nước trong khu vực; hạn chế trong đầu tư công nghệ chuỗi lạnh (cold chain) và sự thiếu liên kết trong hệ thống thông tin thị trường.

Do chưa quan tâm đúng mức về dịch vụ logistics nên những tổn thất trong quá trình thu hoạch, chế biến, lưu trữ vận chuyển là chuyện khó tránh khỏi. Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam, tỷ lệ hao hụt hiện nay khoảng 35% đối với quả và 40% đối với rau do thiếu công nghệ sau thu hoạch, thiếu nhà máy chế biến và dịch vụ logistics chậm phát triển.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu rau quả trong 11 tháng năm 2019 đạt 3,4 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhiều nông sản chính như thanh long, sầu riêng, măng cụt, dứa, dưa hấu... đều giảm mạnh. Đặc biệt mặt hàng thanh long giảm 9%; sầu riêng giảm trên 17%, dứa giảm gần 35%, dưa

hầu giảm 26,4%... so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trên là do các doanh nghiệp trong nước chưa bắt kịp những quy định mới về đăng ký thông tin nhà vườn, nhà xưởng, bao bì để truy xuất nguồn gốc của Trung Quốc, dẫn đến kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường này liên tục giảm trong thời gian qua. Hiện Trung Quốc đã siết chặt đường biên mậu nên sẽ rất khó khăn để có thể xuất khẩu tiểu ngạch. Tuy nhiên, chính quyền nước này đang mở rộng cửa, tạo điều kiện cho xuất khẩu nông sản đi theo đường chính ngạch khi giảm thuế từ 17% trước đây xuống còn 3% - 4%.

Ngành logistics Việt Nam đang đóng góp vào GDP với giá trị rất thấp, chỉ khoảng 3 - 4%, trong khi chi phí logistics lại rất cao trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Hàng hóa nói chung, nông sản Việt Nam nói riêng đang mất dần lợi thế cạnh tranh do các khoản chi phí này. Hiện chi phí logistics trong giá thành chiếm tỷ trọng khác nhau giữa các loại hàng nông sản. Cụ thể, chi phí logistics của hồ tiêu chiếm tỷ trọng thấp (15%), nhưng khá cao với hàng trái cây tươi (60 - 70%). Ngoài chi phí vận tải, các loại phí kiểm tra chuyên ngành cũng còn cao. Ví dụ phí giám định, kiểm vi sinh đối với hàng cà phê khoảng 30 USD/container, hạt điều 300 - 350 USD/container. Bên cạnh đó, thời gian kiểm tra chuyên ngành cũng khá lâu, từ 1 - 2 ngày, làm phát sinh chi phí giám sát, lưu container, lưu bãi từ đó tăng chi phí logistics. Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 76,2% doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tập kết hàng tại cảng biển (42,9%), ICD (23,8%) và cảng hàng không (9,5%). Tuy nhiên, ngay với vận tải biển, chi phí vẫn ở mức cao.

Bên cạnh vấn đề chi phí, những hạn chế trong đầu tư công nghệ chuỗi lạnh (cold chain) cũng là vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động logistics. Tại Việt Nam, chuỗi này vẫn trong giai đoạn mới phát triển. Xe tải đông lạnh chỉ chiếm số lượng rất nhỏ. Các thiết bị vận tải trang bị "cold chain" so với các nước khác còn thiếu chuyên nghiệp, rất nhiều xe không có cách nhiệt tiêu chuẩn, thiếu mạng lưới thông tin logistics nội bộ và chuỗi cung ứng.

Những năm gần đây, với nhu cầu gia tăng của thị trường, một số công ty logistics đã mạnh dạn đầu tư cơ sở hạ tầng kho lạnh với quy mô lớn. Tuy nhiên thị trường kho lạnh Việt Nam còn khá phân mảnh. Những nhà cung cấp dịch vụ kho lạnh có thị phần tương đối như: Emergent Cold, Minh Phú Gemadept, ABA, Hoàng Phi Quân, Lotte, An Việt Cold Storage, Phan Duy, Satra, Meto, Alpha, Transimex chỉ mới đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu của doanh nghiệp xuất khẩu nông sản.

Theo báo cáo đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ của kho lạnh Việt Nam của Emergent Cold (2019), chỉ hơn 50% doanh nghiệp có thể cung cấp được từ 6 - 7 dịch vụ trong kho lạnh, hơn 20% doanh nghiệp cung cấp được từ 9 - 11 dịch vụ, và 20% là cung cấp ít hơn 5 dịch vụ.



Trước thực tế này, việc nâng cao năng lực dịch vụ logistics, hình thành chuỗi dịch vụ logistics kết nối khép kín tuần hoàn từ người nông dân đến các thị trường xuất khẩu là rất cấp thiết. Trước mắt, dịch vụ logistics Việt Nam cần có sự cải thiện hệ thống dịch vụ, hệ thống xe lạnh, trang bị đầy đủ công nghệ thông tin logistics... để giúp kiểm soát nhiệt độ và theo dõi tình trạng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển, kịp xử lý mọi vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, Việt Nam cần một chuỗi các kho hàng cho hàng nông sản được xây dựng ở những vị trí kết nối trực tiếp với nhà ga, cảng lớn có trung tâm kiểm nghiệm, để tiện việc đóng gói, sơ chế, xuất khẩu và giám định chất lượng sản phẩm. Các doanh nghiệp logistics cần kết nối với các cơ quan chức năng Nhà nước để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản thực hiện các thủ tục, giúp thông quan nhanh chóng.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN NĂM 2019 ƯỚC TĂNG 1,2%



Trong năm 2019, hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trước hàng loạt biến động đến từ thị trường thế giới, nhất là căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc cũng như giữa các nền kinh tế khác leo thang, kéo theo đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc giảm giá xuống mức thấp nhất trong 11 năm qua và thương mại toàn cầu sụt giảm.

Trong khi đó, tình hình biến đổi khí hậu tiếp tục có thêm những hình thái mới, bất thường, chính sách hỗ trợ cho ngành nông nghiệp tại nhiều nước và các quy định, rào cản thương mại tại các thị trường trên thế giới đang diễn biến ngày càng phức tạp, khắt khe, đặc biệt là sự thay đổi trong chính sách nhập khẩu của Trung Quốc – thị trường tiêu thụ hàng nông sản lớn nhất của Việt Nam, cũng góp phần tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản trong năm qua. Trong đó, tác động rõ rệt nhất lên xu hướng xuất khẩu của gạo, rau quả và thủy sản. Tuy nhiên, kết thúc năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực của nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, gạo, rau quả, hạt tiêu, hạt điều, cà phê, chè, sắn và sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ) ước đạt 35,9 tỷ USD, vẫn tăng 1,2% so với năm 2018.

Ước tính xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong tháng 12 và năm 2019

(ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Kim ngạch: triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2019				So sánh (%)						
	Ước tính tháng 12/2019		Ước tính năm 2019		T12/19 so với T11/19		T12/19 so với T12/18		Năm 2019 so với năm 2018		
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	
Tổng kim ngạch xuất khẩu		21.800									8,1
Nhóm nông, lâm, thủy sản		3.268		35.897		4,8		8,4			1,2
<i>Tỷ trọng</i>		<i>15,0</i>		<i>13,6</i>							
Thủy sản		750		8.572		-2,1		-1,6			-2,4
Rau quả		350		3.764		16,0		21,1			-1,1
Hạt điều	40	284	453	3.277	-2,8	-2,8	18,0	3,7	21,5		-2,6
Cà phê	150	258	1.616	2.785	32,9	31,5	-2,3	-6,4	-13,9		-21,2
Chè	15	24	137	236	5,3	6,4	28,1	13,1	8,1		8,8
Hạt tiêu	20	48	287	722	17,5	19,9	59,0	18,2	23,4		-4,8
Gạo	390	180	6.259	2.758	6,7	7,1	-17,5	-20,6	2,5		-9,9
Sắn và các sản phẩm từ sắn	280	100	2.496	956	-8,9	-9,8	39,3	29,2	2,9		-0,2
- Sắn	44	16	382	87	-26,1	47,3	33,6	277,2	-45,4		-42,1
Cao su	200	274	1.703	2.300	0,5	4,6	16,2	30,7	8,9		10,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.000		10.526		4,4		19,2			18,2
- Sản phẩm gỗ		760		7.689		0,6		20,5			22,0

Nguồn: Số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê

Trong năm 2019, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có sự tăng trưởng vượt bậc, trở thành điểm sáng của toàn ngành nông nghiệp năm 2019 với mức tăng trưởng 18,2% lên 10,53 tỷ USD, vượt xa so với mặt hàng đứng thứ nhì là thủy sản và tiếp tục củng cố vững chắc vị trí mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong toàn ngành nông nghiệp. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng trưởng của mặt hàng này trong năm 2019 là nhờ xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng mạnh. Riêng trong 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ tăng tới 35,2% so với năm trước lên 4,73 tỷ USD, chiếm tỷ trọng gần 50% trên tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường, đánh dấu mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam. Ngoài ra, xuất khẩu sang Nhật Bản và Canada – hai thị trường thành viên trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt (tăng 15,7% và 14,8%), bước đầu cho thấy các doanh nghiệp đã tận dụng hiệu quả các cam kết từ Hiệp định.

Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu gỗ sang Mỹ tăng mạnh trong năm qua là nhờ các doanh nghiệp trong nước tận dụng được tốt cơ hội đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang Mỹ trong bối cảnh xuất khẩu gỗ từ Trung Quốc vào Mỹ đã giảm mạnh do ảnh hưởng bởi các đợt tăng thuế của chính quyền Mỹ lên hàng hóa nước này, đặc biệt là sau khi Mỹ tăng thuế đối với đồ nội thất Trung Quốc từ 10% lên 25% áp dụng từ ngày 1/6/2019.

Mặc dù tiềm năng thị trường rất mở, tuy nhiên, những rủi ro về thị trường vẫn rất khó lường bởi việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng nhanh có thể khiến Mỹ dành sự chú ý nhiều hơn tới tình hình nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam. Do đó, để giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn còn kéo dài, các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cần chủ động cập nhật thông tin từ đối tác của mình và các cơ quan chức năng nhằm tránh rủi ro. Hiện mặt hàng gỗ dán đang dẫn đầu danh sách 25 sản phẩm có nguy cơ bị

điều tra phòng vệ thương mại hoặc điều tra chống lẩn tránh thuế cao nhất của Bộ Công Thương.



Ở chiều ngược lại, xuất khẩu các mặt hàng thủy sản và nông sản chính có sự sụt giảm kim ngạch so với năm trước. Trong đó, Trung Quốc và Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 47% tỉ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu; tiếp đến là EU chiếm khoảng 11,5%; ASEAN chiếm 10%; Nhật Bản chiếm 8,5% và Hàn Quốc chiếm gần 6%. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông sản chính chỉ đạt 16,8 tỷ USD, giảm 5,6% so với năm 2018. Trong đó, rau quả giảm 11%, cà phê giảm 21,2%. Một số mặt hàng tăng về lượng nhưng giảm về kim ngạch do giá giảm như: Hạt điều, hạt tiêu, gạo. Riêng hai mặt hàng cao su và chè tăng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2018.

Cùng đà giảm, xuất khẩu thủy sản trong năm qua ước chỉ đạt 8,57 tỷ USD, giảm 2,4% do xuất khẩu hai mặt hàng chủ lực là tôm và cá tra đều gặp nhiều khó khăn trong việc đẩy mạnh tiêu thụ.

Hoạt động xúc tiến, đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt được một số kết quả tích cực

Trong năm 2019, hoạt động xúc tiến, đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ đối với nhóm hàng này trong bối cảnh phải đối mặt với hàng loạt khó khăn khách quan; ngoài ra một số vướng mắc, khó khăn trong hoạt động thương mại

với những thị trường đối tác truyền thống về xuất nhập khẩu hàng hóa như Trung Quốc, Mỹ, EU... đã được tháo gỡ, đặc biệt, Việt Nam đã khởi thông được thị trường, chuyển hướng xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Tiêu biểu như sau:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đi vào thực thi từ ngày 30/12/2018 và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức được ký kết là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, mở ra sân chơi mới cho hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

- Đẩy mạnh thực hiện hàng loạt các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tại thị trường Trung Quốc; xây dựng kênh phân phối, tiêu thụ hàng hóa nông, thủy sản tại Trung Quốc; tuyên truyền, chuyển hướng tư duy xuất khẩu nông thủy sản thay đổi theo hướng xóa bỏ thương mại tiểu ngạch, tập trung xuất khẩu chính ngạch để giảm thiểu rủi ro pháp lý; từng bước xây dựng thương hiệu; nâng cao chất lượng, độ an toàn, mẫu mã sản phẩm; đáp ứng đầy đủ quy định, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, đăng ký nhà xưởng, vùng trồng. Việc thay đổi tư duy xuất khẩu nông sản sẽ giúp nông sản không còn chỉ phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, mà khi chất lượng được nâng cao sẽ chinh phục được nhiều thị trường khác. Trong tháng 10/2019, lô sữa đầu tiên của Việt Nam đã được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Tháng 10/2019, Việt Nam đã đàm phán thành công với cơ quan có thẩm quyền của Hồng Kông (Trung Quốc) để xuất khẩu thịt heo mảnh đông lạnh, thịt gà chế biến và tổ yến. Hiện, Việt Nam đang đề nghị Trung Quốc thúc đẩy nhanh tiến trình mở cửa thị trường cho trái cây của Việt Nam theo thứ tự ưu tiên gồm sầu riêng, chanh leo, bơ, bưởi, dứa, na, roi, sản phẩm tổ yến, khoai lang, thạch đen...

- Đối với lĩnh vực thủy sản, đã có tổng số 701 doanh nghiệp thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu vào Trung Quốc. Ngoài ra Mỹ đã chính thức công nhận Việt Nam

tương đương về kiểm soát an toàn thực phẩm với cá tra, mở ra triển vọng lớn để các doanh nghiệp tiếp tục xuất khẩu vào Mỹ. Cùng với đó, Trung Quốc đã chấp thuận nhập khẩu 48 loài thủy sản sống và 128 loại sản phẩm thủy sản sơ chế, chế biến được từ Việt Nam. Ngoài ra, một số doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản sang EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga, Ả rập Xê út. Mỹ cũng đã chính thức công nhận tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm (ATTP) cá da trơn của Việt Nam và quyết định giảm xuống 0% đối với mức thuế sơ bộ áp lên sản phẩm cá tra, basa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ.



- Mở rộng xuất khẩu nhiều loại trái cây có giá trị của Việt Nam sang một số thị trường mới như xuất khẩu xoài, vú sữa sang Mỹ; măng cụt sang Trung Quốc; nhãn, vải sang Australia... Mới đây nhất, Nhật Bản đã đồng ý mở cửa cho trái vải thiều Việt Nam xuất khẩu trực tiếp sang nước này từ ngày 15/12/2019.

Nhờ tích cực triển khai mở cửa thị trường xuất khẩu, trong năm qua thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản được mở rộng với trên 190 quốc gia và vùng lãnh thổ, kim ngạch xuất khẩu của 7/10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực đạt trên 1 tỷ USD, 4 mặt hàng trên 3 tỷ USD gồm gỗ và sản phẩm gỗ; thủy sản; rau quả và hạt điều.

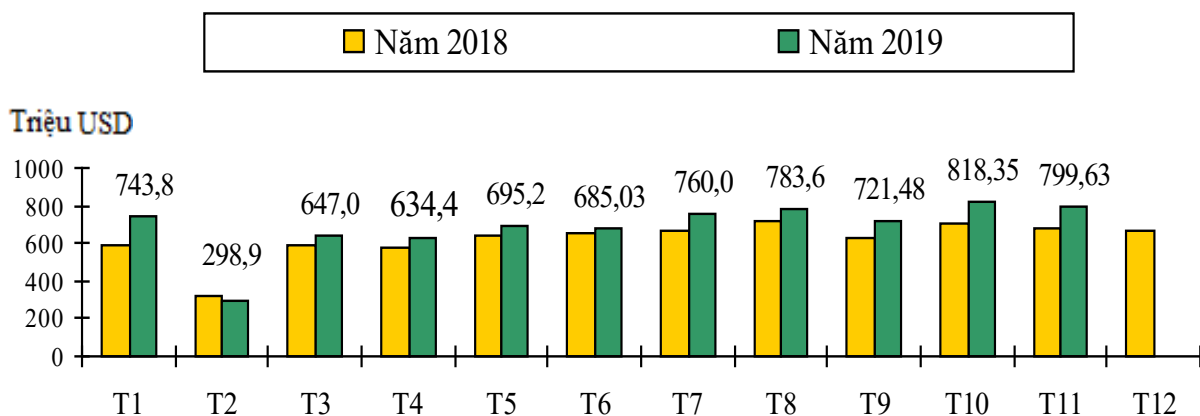
Trong năm 2020, trước hàng loạt thách thức, khó khăn phải đối mặt, các Bộ, ngành sẽ tiếp tục phối hợp trong việc đàm phán để tháo gỡ các quy định, rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại, đặc biệt là đối với các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, EU, ASEAN... nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng.

XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ SANG THỊ TRƯỜNG MỸ TĂNG MẠNH

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt gần 800 triệu USD, giảm 2,3% so với tháng 10/2019, nhưng tăng tới 17% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính từ đầu năm 2019 đến hết tháng 11/2019, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 7,58 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2018 và Mỹ là thị trường lớn thứ 2 về xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2018 - 2019



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2019, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Mỹ với kim ngạch đạt 4,73 tỷ USD, tăng mạnh 35,2% so với cùng kỳ năm 2018. Gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 62,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2019. Nhìn chung kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2019 tăng chủ yếu là do tăng trưởng mạnh của mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, bởi nếu không kể đến mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, thì kim ngạch xuất khẩu của 8 mặt hàng nông sản và thủy sản còn lại đã giảm 12,8%. Có thể kể tới như: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ giảm 8,9%, cà phê giảm 28,9%, cao su giảm 8,9%... Hai mặt hàng hạt điều và hạt tiêu tuy tăng 8,9% và 17,5% về lượng nhưng do giá giảm nên kim ngạch giảm lần lượt là 16,9% và 7,7% so với 11 tháng năm 2018. Trong khi đó, kim ngạch

xuất khẩu rau quả sang thị trường Mỹ lại tăng trưởng khả quan, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Thời gian qua, do ảnh hưởng bởi căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc, thị trường Mỹ đã tăng nhập khẩu gỗ từ Việt Nam và các quốc gia khác để bù đắp vào phần thiếu hụt hàng hóa do thuế tăng cao từ thị trường Trung Quốc.

Tuy nhiên, việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng nhanh trong thời gian qua có thể kéo theo hệ lụy về việc tăng kiểm soát nhập khẩu từ Việt Nam. Đồng thời, xuất hiện những lo ngại về việc hàng hóa Việt Nam có nguy cơ bị gian lận xuất xứ, lẩn tránh thuế để xuất khẩu sang Mỹ.

Trước đó, nhằm tăng cường quản lý xuất khẩu gỗ dán sang Mỹ để phòng tránh gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa, chuyển tải bất hợp pháp, dẫn tới nguy cơ Mỹ có thể áp dụng các biện pháp siết chặt quản lý đối



với gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam, tác động tiêu cực đến sản xuất trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 22/2019/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất. Động thái này được kỳ vọng sẽ xóa bỏ tình trạng gỗ dán gian lận xuất xứ Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ trong thời gian qua.

Để ngăn chặn tình trạng gian lận xuất xứ, Bộ Công Thương cũng đã phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, phân công lại và siết chặt việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

Trong khi đó, các cơ quan hải quan phối hợp với các cơ quan chức năng khác tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động xuất nhập khẩu, nhất là đối với hàng hóa có rủi ro gian lận thương mại, điều tra, xử lý nghiêm khắc các hành vi gian lận.

Các cơ quan chức năng của Việt Nam cũng tăng cường hợp tác, phối hợp, trao đổi thông tin với cơ quan chức năng của các nước nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 11 và 11 tháng năm 2019

(ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2019		So với tháng 10/2019 (%)		11 tháng năm 2019		So với 11 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá	Lượng	Tri giá
Tổng kim ngạch		799.629		-2,3		7.578.396		12,1
Gỗ và sản phẩm gỗ		538.521		-1,6		4.733.820		35,2
Hàng thủy sản		128.704		-9,7		1.353.334		-8,9
Hạt điều	11.981	79.324	-11,4	-10,6	134.569	944.838	8,9	-16,9
Cà phê	15.248	25.166	188,4	169,1	131.721	220.194	-20,1	-28,9
Hàng rau quả		13.069		3,4		137.684		9,3
Hạt tiêu	3.234	8.920	-24,7	-22,7	48.062	131.661	17,5	-7,7
Cao su	3.423	4.463	-8,7	-5,6	30.215	40.055	-8,4	-8,9
Gạo	1.658	1.042	-3,4	-5,2	15.814	10.398	-11,0	-7,4
Chè	353	420	-8,1	-12,6	5.160	6.411	-10,2	-5,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang Mỹ:

Trong 11 tháng năm 2019, tôm là mặt hàng thủy sản xuất khẩu có kim ngạch cao nhất sang thị trường Mỹ với kim ngạch đạt 599,95 triệu USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2018. Nhu cầu nhập khẩu tôm của Mỹ đã tích cực hơn nhờ tồn kho giảm trong khi Mỹ cũng đang có xu hướng giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, Thái Lan và giảm mạnh từ Trung Quốc. Mỹ chiếm tỷ lệ khoảng 20% tổng khối lượng tôm xuất khẩu của Việt Nam, nhưng do tác động của thuế chống bán phá giá và do ảnh hưởng tâm lý chung của thị trường khiến cho xuất khẩu tôm vào thị trường này không thể bứt phá. Tuy nhiên, với kết quả khả quan tại POR 13 đã góp phần tạo động lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Mỹ.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu một số loại thủy sản khác sang thị trường Mỹ tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm 2018 như: Cá ngừ các loại tăng 43,4%, cua các loại tăng 146,2%, bạch tuộc các loại tăng 123,6%, nghêu các loại tăng 18%...

Trái lại, kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2019 đã sụt giảm mạnh 48% so với cùng kỳ năm 2018. Rào cản thương mại và kỹ thuật, giá cá tra nguyên liệu trong nước giảm mạnh tác động trực tiếp tới xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ. Tuy nhiên, việc Mỹ công nhận tương đương

đối với sản phẩm cá tra đã giúp Việt Nam bổ sung doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu cá tra vào Mỹ và quan trọng hơn là tạo niềm tin cho nhà nhập khẩu Mỹ yên tâm nhập khẩu sẽ gia tăng sản lượng, trị giá xuất khẩu cá tra vào thị trường này trong thời gian tới.



Tham khảo một số loại hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2019

Chủng loại	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tôm các loại	57.852	599.954	10.370	3,2	1,3	-1,9
Cá ngừ các loại	49.354	296.994	6.018	49,3	43,4	-4,0
Cá tra, basa	69.649	258.514	3.712	-37,6	-48,0	-16,8
Cá đông lạnh	18.021	102.873	5.708	-11,0	0,7	13,2
Ghẹ các loại	2.574	42.827	16.640	9,2	-17,1	-24,1
Cua các loại	433	9.760	22.553	71,3	146,2	43,7
Bạch tuộc các loại	1.716	9.626	5.608	135,7	123,6	-5,1
Nghêu các loại	2.742	6.318	2.304	17,9	18,0	0,1
Cá đóng hộp	1.587	4.840	3.050	6,6	36,6	28,1
Mực các loại	537	3.968	7.395	-7,9	8,7	18,0
Mắm	891	3.793	4.258	96,2	153,7	29,3
Surimi	484	2.438	5.037	-6,2	-13,6	-7,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Hiện nay đã có 6 loại quả tươi của Việt Nam được cấp phép xuất khẩu sang Mỹ bao gồm: Vải, nhãn, chôm chôm, vú sữa, thanh long và xoài.



Trong 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu thanh long – loại trái cây xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ giảm mạnh 23,5%. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng khác vào thị trường Mỹ lại tăng mạnh như: Nhãn tăng

70,1%, hạnh nhân tăng 132,4%, măng cầu tăng 150,6%, xoài (bao gồm cả xoài tươi và chế biến) tăng 248,7%, chanh leo tăng 141,5%, dưa chuột tăng 336,1%...

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, Việt Nam là nguồn cung chuối lớn thứ 13 cho thị trường Mỹ trong 10 tháng năm 2019, lượng nhập khẩu đạt 211 tấn, kim ngạch 387 nghìn USD, tăng 1.113,7% về lượng và tăng 878,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù vậy, thị phần chuối của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Mỹ mới chỉ chiếm 0,01% trong tổng nhập khẩu của nước này. Như vậy, với tốc độ nhập khẩu từ Việt Nam tăng trưởng cao, trong khi thị phần thấp, Việt Nam còn nhiều tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu chuối sang Mỹ trong thời gian tới.

Ngoài ra, thời gian gần đây thị trường Mỹ cũng đang có nhu cầu cao về nhập khẩu mặt hàng dứa đã qua sơ chế từ Việt Nam. Đối với sản phẩm dứa tươi, thị trường Mỹ không yêu cầu đàm phán, xuất khẩu khá thuận lợi.

Tham khảo một số loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2019

Chủng loại	11 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2018 (%)
Thanh long	32.313	-23,5
Hạt dẻ cười	8.405	-6,9
Nhãn	8.161	70,1
Dừa	7.815	-1,3
Hạnh nhân	7.130	132,4
Ngô	6.819	-0,2
Măng cầu	6.491	150,6
Nấm rơm	5.659	2,1
Xoài	4.781	248,7
Dứa	3.406	-10,5
Chanh leo	3.261	141,5
Dứa chuột	3.257	336,1
Nho	2.686	176,6
Sầu riêng	2.132	56,2
Nấm mỡ	1.941	
Óc chó	1.890	177,6
Chôm chôm	1.682	2,0
Hạt điều	1.626	51,2
Đậu nành	1.584	
Cơm dừa	1.426	-42,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG NHẬT BẢN NĂM 2019 TĂNG KHÁ

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong tháng 11/2019 đạt 268,7 triệu USD, giảm 12,1% so với tháng trước và giảm 3,4% so với tháng 11/2018. Tính chung 11 tháng năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 2,86 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2018.

Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản trong năm 2019 ước đạt 3,14 tỷ USD, tăng 8,3% so với năm 2018.

Về chủng loại:

Trong 11 tháng năm 2019, xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản tăng khá như xuất khẩu hàng thủy sản tăng 6,8%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 15,7%; hàng rau quả tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2018...

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường Nhật Bản giảm trong 11 tháng năm 2019 như cà phê giảm 23,6%; hạt điều giảm 15,9%; cao su giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2018...

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nhật Bản 11 tháng năm 2019

(ĐVT: nghìn USD)

Tên hàng	11 tháng năm 2019	So với 11 tháng năm 2018 (%)	Tháng 11/2019	So với tháng 10/2019 (%)	So với tháng 11/2018 (%)
Tổng	2.864.845	8,0	268.719	-12,1	-3,4
Hàng thủy sản	1.350.546	6,8	141.550	-1,0	0,4
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.204.966	15,7	100.042	-26,0	-8,8
Cà phê	147.726	-23,6	11.091	-5,3	-11,2
Hàng rau quả	112.414	26,9	11.620	5,3	31,4
Hạt điều	24.503	-15,9	1.848	-30,0	-34,2
Cao su	16.104	-8,5	1.480	-14,6	-17,9
Hạt tiêu	6.788	-50,8	987	184,3	-38,7
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.798	-64,5	101	-42,3	336,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Nhận định và dự báo:

Việt Nam và Nhật Bản là hai nước đã tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có hiệu lực từ tháng 1/2019. Sang năm 2020, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi và cơ hội thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực tiềm năng, gia tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nói chung và hàng nông, lâm, thủy sản nói riêng sang thị trường Nhật Bản.

Dự kiến Nhật Bản sẽ là thị trường tiêu thụ viên nén gỗ lớn nhất khu vực, đây là cơ hội để doanh nghiệp Việt đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm này. Nhật Bản áp dụng các hàng rào kỹ

thuật cao đối với hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Với sản phẩm gỗ, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng là Tiêu chuẩn JAS và Tiêu chuẩn JIS về dư lượng formaldehyde có trong sản phẩm. Các tiêu chuẩn này bắt buộc áp dụng với các sản phẩm gỗ dán, ván dăm bào, ván xây dựng, ván phủ mặt, ván sàn, mặt cầu thang... Mỗi loại sản phẩm đòi hỏi phải có giấy chứng nhận riêng phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng.

Đối với mặt hàng thủy sản, Nhật Bản đang ưa chuộng một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam như cá tra, tôm, surimi... Nhật Bản là 1 trong 10 thị trường xuất khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam trong năm 2019 và là nước tiêu thụ nhiều cá tra. Nhật Bản cũng là nước tiêu

thụ surimi lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 30% tổng giá trị nhập khẩu surimi của toàn thế giới. Tôm cũng là một trong những mặt hàng thủy sản tiêu thụ nhiều tại thị trường này. Một số sản phẩm tôm chế biến của Việt Nam thâm nhập vào thị trường Nhật Bản như tôm nobashi, sushi, tôm sú tempura áo bột; tôm chân trắng PD đông lạnh, tôm chân trắng lột vỏ bỏ đầu chừa đuôi đông lạnh... Việt Nam là nguồn cung tôm lớn nhất cho Nhật Bản, chiếm khoảng 26% tổng trị giá nhập khẩu tôm của thị trường này trong năm 2019.

Trong 11 tháng năm 2019, lượng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 180,7 nghìn tấn, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2018. Tôm là mặt hàng đạt kim ngạch cao nhất, đạt 63,9 nghìn tấn, trị giá 567,7 triệu USD, tăng 10,1% về lượng nhưng giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ



năm 2018. Dự kiến, lượng và kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Nhật Bản sẽ tăng trong những tháng tới do nhu cầu tiêu thụ thực phẩm trong các dịp Lễ Tết của người dân Nhật Bản tăng.

Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2018 như cá đông lạnh tăng 18,9%; nghêu các loại tăng 92,7%; cua tăng 39,4%, cá đóng hộp tăng 504,3%...

Một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang Nhật Bản 11 tháng năm 2019

(Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD; Giá: USD/tấn)

Tên hàng	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng	Trị giá	Giá TB	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tôm các loại	63.866	567.724	8.889	10,1	-2,5	-11,5
Cá đông lạnh	56.105	415.407	7.404	15,7	18,9	2,8
Mực các loại	7.044	66.599	9.455	-7,9	-3,1	5,3
Bạch tuộc các loại	7.182	63.252	8.807	-7,6	-8,4	-1,0
Cua các loại	1.995	46.263	23.190	30,5	39,4	6,8
Trứng cá	2.389	40.444	16.927	24,6	20,7	-3,1
Surimi	15.933	34.904	2.191	-6,2	-0,3	6,3
Cá tra, basa	8.447	29.750	3.522	-10,7	-2,6	9,0
Cá ngừ các loại	5.268	26.455	5.021	21,8	10,8	-9,0
Cá khô	2.112	22.752	10.772	-5,3	6,1	12,1
Cá đóng hộp	6.434	15.917	2.474	571,0	504,3	-9,9
Nghêu các loại	545	3.882	7.130	122,4	92,7	-13,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Tham khảo một số doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản đạt kim ngạch cao trong 11 tháng năm 2019 (ĐVT: nghìn USD)

STT	Tên doanh nghiệp	Kim ngạch
1	CTY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ	85.689
2	CTY CỔ PHẦN HẢI SẢN S.G	84.393
3	CTY CỔ PHẦN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU TRUNG SƠN HƯNG YÊN	65.682
4	CTY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA	51.192
5	CTY CP HẢI VIỆT	46.057
6	CTY TNHH MTV TRUNG SƠN LONG AN	43.826
7	CTY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH PHÚ - HẬU GIANG	38.425
8	CTY TNHH CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU THỦY SẢN CAM RANH	36.017
9	CTY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÁT HẢI	32.284
10	CTY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRUNG SƠN	30.751

Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo

YÊN BÁI TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN VÀ ĐẨY MẠNH THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ



Tỉnh Yên Bái có diện tích đất nông, lâm nghiệp trên 550 nghìn ha, chiếm gần 80% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Nằm trên nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau nên nông dân tỉnh Yên Bái đã tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao. Theo quy hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn 2030, tỉnh Yên Bái tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả, bền vững; gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ.

Yên Bái có những sản phẩm làng nghề như: Miến đao, tranh đá quý, dệt thổ cẩm, dâu tằm, miến dong, mỹ nghệ thủ công từ cây quế, các đặc sản thực phẩm truyền thống... Thời gian qua, ngành nông nghiệp và các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho các loại đặc sản. Đến nay, nhiều thương hiệu đã được xây dựng

như: Chỉ dẫn địa lý "Quế vỏ Văn Yên", chỉ dẫn địa lý "Gạo Mường Lò", nhãn hiệu tập thể "Gạo Chiêm Hương Đại Phú An - Văn Yên", nhãn hiệu tập thể "Cam Văn Chấn", nhãn hiệu tập thể "Cam Lục Yên", nhãn hiệu tập thể "Chè Shan tuyết Suối Giàng, Bưởi Đại Minh"...

Việc các sản phẩm đặc sản được xây dựng thương hiệu, có nhãn hiệu hàng hóa, giá sản phẩm tăng đáng kể đã góp phần đưa sản phẩm đến với các cửa hàng, siêu thị lớn trên cả nước.

Nhiều sản phẩm có tiềm năng về chất lượng đặc thù như: Các sản phẩm làng nghề tranh đá quý Lục Yên, dệt thổ cẩm Nghĩa An (Nghĩa Lộ); dâu tằm và miến dong Trấn Yên, đan rọ tôm Yên Bình, mỹ nghệ thủ công từ cây quế Văn Yên... hay các sản phẩm đặc sản như: Gà, lợn, mật ong, gạo chất lượng cao... hoặc các sản phẩm chất lượng cao có quy mô hàng hóa như: Thảo quả, cá lòng hồ thủy

điện Thác Bà, măng tre Bát độ... chưa được xây dựng thương hiệu.

Toàn tỉnh hiện có 168 hợp tác xã (HTX), 142 tổ hợp tác nông nghiệp, 486 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Từ năm 2015, tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp mới theo hướng hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng cao, mở ra hướng đi mới cho nông nghiệp, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho nông dân

Nhằm nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội, Yên Bái đã triển khai thực hiện Đề án "Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2030" (OCOP). Đến nay, Yên Bái đã xây dựng được 5 sản phẩm OCOP hạng 3 sao, bước đầu khẳng định thương hiệu, nâng tầm sản phẩm trên thị trường. Mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2019 - 2020 là phấn đấu chuẩn hóa 20 sản phẩm, trong năm 2019 có 3-5 sản phẩm đạt chất lượng 3 sao, năm 2020 có 15 sản phẩm; phát triển từ 1-2 mô hình du lịch nông thôn, kết hợp bảo tồn các giá trị văn hóa tạo ra sản phẩm dịch vụ du lịch... Giai đoạn 2021 - 2025 đưa chương trình OCOP đi vào chiều sâu, gắn phát triển nông nghiệp với các thành phần kinh tế khác; phát triển, nâng cấp 30 sản phẩm, trong đó đầu tư nâng cấp 20 sản phẩm thế mạnh. Giai đoạn 2026 - 2030 phát triển 60 - 80 sản phẩm OCOP, trong đó có 30 sản phẩm đạt chất lượng 3 - 5 sao...

Năm 2020, hoạt động xúc tiến thương mại của Yên Bái sẽ chú trọng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa có thế mạnh của tỉnh tại thị trường trong nước và xuất khẩu.

Hình thành vùng nguyên liệu nhờ các HTX:

Nhờ sự phát triển của các HTX theo các chuỗi giá trị, đến nay, Yên Bái đã hình thành được các vùng nguyên liệu đặc trưng. Vùng nguyên liệu cam, quýt trên 1.600 ha ở huyện Văn Chấn. Trong đó có nhiều loại cam ngon

như cam sành, cam canh, cam sen... đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) chứng nhận nhãn hiệu cách đây 2 năm. Với năng suất 12 - 15 tấn/ha/năm, hàng năm sản lượng cam ở Văn Chấn đạt trên 8.000 tấn, cho doanh thu trên 200 tỷ đồng.



Ngoài ra Yên Bái đã có vùng lúa đặc sản đạt 3.000 ha, vùng ngô đạt 15.000 ha, vùng trồng dâu nuôi tằm 450 ha, vùng cây ăn quả 7.000 ha, vùng chè 8.500 ha, vùng quế 70.000 ha, vùng tre măng Bát độ trên 3.600 ha, vùng sơn tra (táo mèo) 6.000 ha, vùng gỗ nguyên liệu 180.000 ha... Đây chính là những lợi thế để Yên Bái bứt phá phát triển kinh tế nông nghiệp mạnh mẽ hơn, kết nối được với các doanh nghiệp chế biến để nâng cao giá trị hàng hóa.

Các HTX đã đi đầu trong sản xuất an toàn, giúp sản phẩm nông nghiệp của tỉnh hướng tới những thị trường lớn. Các HTX cũng tập trung đưa các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, đồng thời mở rộng diện tích canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ nên nông sản của tỉnh ngày càng nâng cao về mặt chất lượng.

Ngoài việc phát triển các HTX, tạo điều kiện về thủ tục hành chính, đất đai, lao động để thu hút doanh nghiệp, Yên Bái còn tổ chức các sự kiện quảng bá nông sản tại địa phương, đồng thời tích cực đưa các sản vật nông nghiệp đặc trưng tới các hội chợ, hệ thống siêu thị lớn tại Hà Nội và các thành phố lớn để giới thiệu, xúc tiến thương mại. Từ đây, định hình thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng tới xuất khẩu, trên cơ sở đó phát huy thế mạnh kinh tế nông nghiệp của địa phương.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỐNG ÙN Ứ XUẤT KHẨU RAU QUẢ SANG TRUNG QUỐC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Trong thời gian gần đây, với những nỗ lực và sự phối hợp đồng bộ của các Bộ, ngành, địa phương, hoạt động xuất khẩu nông sản, trái cây sang thị trường Trung Quốc qua các tỉnh biên giới nhìn chung vẫn diễn ra bình thường.



Tuy nhiên, khi bắt đầu đến thời điểm chính vụ thu hoạch để tiêu thụ và xuất khẩu cũng như thời điểm cận kề Tết Nguyên đán hàng năm, vẫn tồn tại tình trạng ùn ứ, tồn đọng nông sản, trái cây cục bộ tại cửa khẩu, gây thiệt hại cho doanh nghiệp trong nước. Một trong những nguyên nhân là do lượng nông sản, trái cây khi vào chính vụ thu hoạch để xuất khẩu được đưa lên khu vực cửa khẩu tăng đột biến tại cùng một thời điểm, trong khi phía Trung Quốc cũng trùng thời điểm chính vụ thu hoạch với Việt Nam đối với một số loại trái cây. Điều này dẫn đến nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam cũng sụt giảm nhất định. Bên cạnh đó, năng lực thông quan hàng hóa tại cửa khẩu hai nước Việt Nam - Trung Quốc, mặc dù đã được cải thiện so với giai đoạn trước, nhưng còn hạn chế so với nhu cầu xuất khẩu, dẫn đến việc không thể đáp ứng được lưu lượng xe đưa lên quá lớn tại cùng một thời điểm.

Trước diễn biến trên, trước khi vào chính vụ thu hoạch các loại trái cây chủ lực hoặc trước khi bước vào thời gian cao điểm dịp Lễ Tết, Bộ Công Thương đều chủ động thông tin, khuyến cáo về tình hình thị trường, về diễn

biến thông quan tại cửa khẩu... đến các địa phương vùng trồng trọng điểm, các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan để có phương án điều tiết giao nhận hiệu quả, tránh gây thiệt hại, bị ép cấp, ép giá. Đồng thời, thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới (Lạng Sơn, Lào Cai...) theo dõi sát tình hình để kịp thời triển khai chủ động các giải pháp, biện pháp điều tiết hàng hóa tại khu vực cửa khẩu như phân luồng giao thông; ưu tiên thông quan xe chở nông sản, trái cây; huy động lực lượng chức năng thực hiện thủ tục hải quan, kiểm dịch thực vật, cấp C/O để hỗ trợ doanh nghiệp đưa hàng nông sản, trái cây được thông quan nhanh nhất, thậm chí làm thêm giờ; chủ động trực tiếp làm việc, trao đổi kịp thời với phía Trung Quốc để tháo gỡ các vướng mắc phát sinh, bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định được thông quan thuận lợi, an toàn.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đưa các vấn đề vướng mắc trong quan hệ thương mại song phương nói chung và thương mại song phương về nông, thủy sản nói riêng trao đổi với phía Trung Quốc để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hoặc dành thời gian "quá độ" cho các chính sách mới, tháo gỡ khó khăn trong thông quan hàng hóa tại các dịp cao điểm trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác song phương giữa hai nước, đồng thời làm việc với các cơ quan chức năng, chính quyền các địa phương phía Trung Quốc (đặc biệt là tỉnh Quảng Tây, Vân Nam) mở thêm các cửa khẩu chỉ định nhập khẩu nông sản, trái cây tại khu vực biên giới.

Để hạn chế tình trạng hàng hóa ứ đọng tại khu vực cửa khẩu: Cần sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương

Mặc dù đã có những nỗ lực giải quyết của Bộ, ngành, địa phương, các lực lượng chức năng tại chỗ, song vấn đề này sẽ không thể

giải quyết được nếu không có những giải pháp quyết liệt, đồng bộ, mang tính lâu dài. Do đó, Bộ Công Thương cho rằng, để giải quyết tình trạng trên một cách triệt để, góp phần ổn định hoạt động xuất khẩu nông sản, trái cây qua biên giới trong thời gian tới, cần sự vào cuộc tích cực của các Bộ, ngành, địa phương liên quan.



Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần rà soát, đánh giá tình hình, thống nhất công tác tổ chức sản xuất đáp ứng với nhu cầu, yêu cầu của phía Trung Quốc nhằm điều tiết lượng hàng hóa lưu thông qua các tỉnh biên giới phù hợp với điều kiện, năng lực thông quan thực tế tại các cửa khẩu, đặc biệt là thời gian cao điểm chính vụ.

Đồng thời Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần đẩy nhanh tiến độ đàm phán mở cửa thị trường với phía Trung Quốc, mở rộng danh sách các mặt hàng được xuất khẩu chính ngạch.

Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới phía Bắc cần thường xuyên, liên tục cập nhật tình hình xuất khẩu tại các cửa khẩu trọng điểm, nhất là vào dịp cao điểm; kịp thời phối hợp với các địa phương sản xuất trọng điểm cảnh báo thông tin và điều phối hàng hóa đưa lên biên giới...

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chủ động nắm bắt thông tin, tuyên truyền, thực hiện nghiêm túc văn bản khuyến cáo của các Bộ, ngành về thị trường Trung Quốc và diễn biến hoạt động thông quan tại cửa khẩu biên giới tới các hộ

nông dân, ngư dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn; đồng thời phổ biến, định hướng và hướng dẫn các hộ nông dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn tái cơ cấu sản xuất đáp ứng yêu cầu của phía bạn, đồng thời thay đổi nhận thức, quan điểm về cách thức xuất khẩu thành "chính ngạch", theo thông lệ quốc tế một cách quyết liệt.

Đối với các Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp, để duy trì thị phần và mở rộng thị trường Trung Quốc, trong thời gian tới, cần phải nâng cao nhận thức về tính đoàn kết, điều phối, hài hòa lợi ích doanh nghiệp Việt Nam để hỗ trợ giải quyết có hiệu quả tình trạng ép giá, ép cấp trong thương mại nông, thủy sản qua biên giới với doanh nghiệp Trung Quốc..

Ngoài ra, Vụ Thị trường châu Á - châu Phi (Bộ Công Thương) vừa qua cũng đưa ra khuyến cáo đối với người nông dân, doanh nghiệp khi xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc trong dịp Tết Nguyên đán.

Theo đó, để hoạt động xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang Trung Quốc diễn ra thuận lợi, giảm thiểu hiện tượng ùn tắc trái cây, nông sản xuất khẩu tại khu vực cửa khẩu biên giới trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán sắp tới, doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động đảm bảo nhãn mác, bao bì.

Đặc biệt, phải có thông tin truy xuất nguồn gốc chất lượng sản phẩm, bao gồm: Tên sản phẩm hoa quả; nguồn gốc xuất xứ; tên hoặc mã số nhà xưởng đóng gói bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

Doanh nghiệp có thể dán thêm nhãn để bổ sung các thông tin kể trên đồng thời có mã vạch, QR code hoặc tem chống hàng giả để có thể kiểm tra bất cứ lúc nào, theo đúng yêu cầu của phía nhập khẩu.

Bên cạnh đó, cần chủ động phối hợp với lực lượng chức năng tại cửa khẩu biên giới xử lý sớm các thủ tục thông quan, tránh để xảy ra tình trạng ùn ứ, tắc nghẽn hàng hóa xuất khẩu tại khu vực cửa khẩu biên giới vào dịp cao điểm gần Tết.

LỄ HỘI CAM VÀ CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH LẦN THỨ 3



Ngày 21/12/2019, Lễ hội Cam và các sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh lần thứ 3 năm 2019 chính thức khai mạc tại quảng trường Trung tâm Thương mại Vincom thành phố Hà Tĩnh với sự tham dự của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ.

Lễ hội Cam và các sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh lần thứ 3 có 88 gian hàng. Trong đó, có 48 gian hàng cam, bưởi, hoa quả và 40 gian hàng sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp được bài trí công phu, đẹp mắt.

Qua lễ hội, các nhà sản xuất và các nhà phân phối lớn, các siêu thị, các đại lý trong tỉnh, trong nước sẽ bắt tay hợp tác liên kết, liên doanh để tăng năng lực sản xuất, thiết lập thêm kênh tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu trong thời gian tới. Lễ hội lần này có tổ chức bình chọn gian hàng trưng bày đẹp nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho các hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã, đơn vị, doanh nghiệp xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

KHAI MẠC TUẦN LỄ GIỚI THIỆU ĐẶC SẢN AN TOÀN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀO HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



Ngày 20/12/2019, Vụ Thị trường trong nước, Bộ Công Thương phối hợp Sở Công Thương tỉnh An Giang và siêu thị Tứ Sơn tổ chức Hội nghị kết nối nguồn hàng bảo đảm an toàn vào hệ thống phân phối năm 2019. Trong khuôn khổ hội nghị đã diễn ra "Tuần lễ giới thiệu đặc sản an toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào hệ thống phân phối" tại siêu thị Tứ Sơn.

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực được thiên nhiên ưu đãi với rất nhiều đặc sản trái cây nổi tiếng cùng với nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản phong phú, đa dạng.

Việc xây dựng Đồng bằng sông Cửu Long trở thành một vùng nông sản, thực phẩm an toàn để cung cấp các mặt hàng bảo đảm chất lượng tới người dân là thực sự rất cần thiết và có ý nghĩa không chỉ đối với người dân tại các tỉnh trong khu vực mà còn trong cả nước.

"Tuần lễ giới thiệu đặc sản an toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long" là sự kiện tiếp nối chuỗi các hoạt động kết nối tiêu thụ đặc sản an toàn do Bộ Công Thương khởi xướng từ năm 2018, tạo cơ hội để các tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long giới thiệu những đặc sản mới lạ, hấp dẫn và an toàn đưa vào các hệ thống siêu thị, các kênh phân phối lớn để giới thiệu đến tay người tiêu dùng không chỉ trong vùng mà mở rộng ra cả nước; nguồn cung hàng hoá của các địa phương cũng chính là nguồn hàng góp phần quan trọng cho việc phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân tại các tỉnh trong khu vực trong dịp Tết Nguyên đán sắp tới, góp phần thực hiện chương trình bình ổn thị trường tại địa phương và các khu vực lân cận.

136 TỶ ĐỒNG CHO CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC GIA 2020

Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia năm 2020 được triển khai với tổng kinh phí là 136 tỷ đồng, tăng so với năm 2019.

Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, hiệp hội, địa phương tiếp tục triển khai và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm duy trì và phát triển thị trường trọng điểm, đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại có quy mô lớn, mang tính định hướng; triển khai các hoạt động đào tạo phát triển sản phẩm chuyên sâu, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cùng với đó, tăng cường phối hợp giữa các tổ chức xúc tiến thương mại, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp...

Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia năm 2019 được Bộ Công Thương phê duyệt và thực hiện được 205 đề án với tổng kinh phí là 125 tỷ đồng. Kinh phí được bố trí, giao cho các tổ chức xúc tiến thương mại

Trung ương và địa phương, các hiệp hội ngành hàng làm đơn vị chủ trì thực hiện đa dạng các hình thức xúc tiến thương mại.

Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia đã góp phần đáng kể trong việc thúc đẩy xuất khẩu và đưa kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam đạt mốc 500 tỷ USD trong năm 2019. Sự tăng trưởng này thể hiện hoạt động xúc tiến xuất khẩu đã khai thác và tận dụng tốt các FTA để mở rộng thị trường, nhất là các thị trường đòi hỏi yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa.

Chương trình cũng triển khai tốt các hoạt động thực hiện cam kết song phương và đa phương giữa lãnh đạo Chính phủ Việt Nam và các nước láng giềng, các nước trong khu vực; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, góp phần duy trì và phát triển quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội với các nước trong khu vực.



Cục Xúc tiến thương mại ký biên bản hợp tác với Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

KHUYẾN CÁO VỀ VIỆC SỬ DỤNG ETHOXYQUIN TRONG THỨC ĂN THỦY SẢN

Ngày 07/6/2017, EU đã ban hành quy định số 2017/962 về sử dụng Ethoxyquin trong thức ăn chăn nuôi. Theo đó, sau ngày 31/3/2020, EU quy định Ethoxyquin không được phép sử dụng trong tất cả các loại thức ăn chăn nuôi (bao gồm thức ăn thủy sản).

Trong tháng 10/2019, sau khi nhận được nhiều ý kiến và thông tin từ các nhà nhập khẩu châu Âu, Hiệp hội thủy sản Việt Nam (VASEP) đã có ý kiến trao đổi với Tổng cục Thủy sản.

Ngày 11/12/2019, Tổng cục Thủy sản đã ban hành công văn số 2786/TCTS-NTTS gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố, VASEP, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản về việc thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng Ethoxyquin trong thức ăn thủy sản.

Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương cần tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát hàm lượng Ethoxyquin theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 15/11/2018 và các văn bản liên quan khác. Đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm theo quy định.

Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản cập nhật quy định của EU về quản lý Ethoxyquin trong thức ăn chăn nuôi (bao gồm thức ăn thủy sản) để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về quản lý thức ăn thủy sản tại Thông tư số 26.

BỘ CÔNG THƯƠNG BAN HÀNH THÔNG TƯ BỔ SUNG DANH MỤC CHI TIẾT THEO MÃ SỐ HS CỦA HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Thực hiện Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020, ngày 16 tháng 12 năm 2019, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 41/2019/TT-BCT bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương.

Thông tư bao gồm 9 Điều và 8 Phụ lục kèm theo, bổ sung các Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

hiện đang được quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương, cụ thể:

Phụ lục I - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với thóc, gạo xuất khẩu

Phụ lục II - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với tinh dầu xà xị tạm nhập, tái xuất

Phụ lục III - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với kim cương thô

Phụ lục IV - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với xăng, dầu

Phụ lục V - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với khoáng sản xuất khẩu

Phụ lục VI - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá

Phụ lục VII - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá

Phụ lục VIII - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với than xuất khẩu

Thông tư 41/2019/TT-BCT được ban hành nhằm cụ thể hóa mặt hàng theo mã HS, không điều chỉnh, thay đổi về chính sách quản lý đối với các mặt hàng này.

Thông tư 41/2019/TT-BCT được ban hành sẽ tạo thuận lợi cho cơ quan hải quan và các

tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu thực hiện dễ dàng, thuận tiện hơn khi áp dụng chính sách mặt hàng và áp mã hàng hóa xuất nhập khẩu; tạo thống nhất giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong việc xác định mặt hàng và áp mã thuế đối với hàng hóa thuộc diện quản lý của Bộ Công Thương, góp phần giúp thông quan hàng hóa nhanh chóng. Thông tư 41/2019/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

NHẬT BẢN MỞ CỬA CHO VÀI THIÊU TƯƠI CỦA VIỆT NAM

Bộ Nông lâm Ngư nghiệp của Nhật Bản vừa thông báo chính thức mở cửa cho quả vải thiều Việt Nam xuất khẩu trực tiếp sang Nhật Bản, từ ngày 15/12/2019.

Cụ thể, Bộ Nông lâm Ngư nghiệp Nhật Bản yêu cầu quả vải thiều tươi xuất khẩu vào Nhật Bản phải được trồng tại các vườn được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra, giám sát và cấp mã số vùng trồng, đáp ứng quy định về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của Nhật Bản. Lô quả vải xuất khẩu phải được đóng gói và xử lý xông hơi khử trùng bằng methyl bromide tại các cơ sở được Cục Bảo vệ thực vật và Bộ Nông lâm Ngư nghiệp Nhật Bản công nhận với liều lượng tối thiểu là 32g/m³ trong thời gian hai giờ, dưới sự giám sát của cán bộ kiểm dịch thực vật Việt Nam và Nhật Bản. Bên cạnh đó, các lô quả vải thiều xuất khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cục Bảo vệ thực vật cấp.

Để triển khai có hiệu quả việc xuất khẩu quả vải tươi sang thị trường Nhật Bản, Cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo và hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp xuất khẩu, người trồng vải khẩn trương hoàn tất các công việc chuẩn bị, tìm kiếm đối tác nhập khẩu để sớm xuất khẩu lô quả vải thiều tươi đầu tiên sang Nhật Bản trong vụ vải năm 2020.

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản đã và đang triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá quả vải Việt Nam tại Nhật Bản. Cụ thể, từ năm 2018, đại diện Thương vụ

Việt Nam tại Nhật Bản đã nhiều lần đưa các doanh nghiệp Nhật Bản sang Việt Nam đi khảo sát vùng trồng vải thiều Lục Ngạn - Bắc Giang và có những buổi làm việc với đại diện Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang và Lãnh đạo UBND huyện Lục Ngạn nhằm xem xét khả năng nhập khẩu các lô hàng vải thiều ngay khi Nhật Bản chính thức mở cửa thị trường cho quả vải Việt Nam.

Nhật Bản là một trong những nước có các quy định về kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm ngặt nhất trên thế giới, vì vậy để quả vải Việt Nam có chỗ đứng tại thị trường này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước (Cục Bảo vệ thực vật, Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản...) với chính quyền các địa phương, doanh nghiệp xuất khẩu và người nông dân để bảo đảm quy trình xuất khẩu quả vải sạch, đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch và đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng Nhật Bản.



GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG TRÁI CHIỀU

Giá nông sản thế giới trong kỳ từ ngày 18/12 đến 27/12/2019 biến động trái chiều so với nửa đầu tháng 12/2019.

Trong đó, giá đậu tương tăng 1,1%, giá lúa mì tăng 1,2%, giá ngô tăng 0,5% song giá lúa mạch giảm mạnh 7% so với nửa đầu tháng 12/2019. So với đầu năm 2019, hiện giá ngô, lúa mì, đậu tương, lúa mạch tăng từ 3% - 9%. Giá đậu tương tại Mỹ tăng do kỳ vọng Trung Quốc sẽ thúc đẩy mua đậu tương sau thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 với Mỹ. Trung Quốc – nước tiêu thụ đậu tương lớn nhất thế giới và Mỹ đã đồng ý về một thỏa thuận thương mại "giai đoạn 1", bao gồm việc Trung Quốc cam kết tăng mua các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ.

Trên thị trường cà phê, giá cà phê giảm trong bối cảnh giao dịch trầm lắng trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh và năm mới. Giá cà phê Arabica kỳ hạn giao tháng 3/2020 trên sàn New York giảm 6,13% trong kỳ từ ngày 18/12 đến 27/12/2019 đạt 127,5 UScent/lb; Giá cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London cũng giảm 9,1% so với nửa đầu tháng 12/2019, đạt 1.301 USD/tấn. So với đầu năm

2019, giá cà phê Robusta đã giảm 14,9% trong khi giá cà phê Arabica tăng 22,5%.

Giá cao su giao kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Tocom giảm 1,3% so với nửa đầu tháng 12/2019 nhưng lại tăng tới 18,1% so với đầu năm 2019, đạt 198,5 JPY/kg. Giá cao su tăng do lạc quan về nhu cầu tiêu dùng cao su của Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa nước này và Mỹ đã giảm bớt.

Trong kỳ từ ngày 18/12 đến 27/12/2019, giá gạo châu Á được điều chỉnh tăng nhẹ so với nửa đầu tháng 12/2019.

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm đã tăng lên mức 424- 435 USD/tấn so với mức 395- 420 USD/tấn trong nửa đầu tháng 12/2019. Giá gạo Thái Lan tăng do lo ngại hạn hán có thể gây tổn thất cho nguồn cung vụ mùa nên dẫn tới hoạt động mua vào và dự trữ đầu cơ của một số nhà máy và nhà xuất khẩu, điều này đã đẩy giá lên.

Tại Ấn Độ, nhu cầu yếu nhưng giá lúa gạo tại thị trường nội địa tăng khiến các nhà xuất khẩu phải điều chỉnh giá bán. Theo đó, giá xuất khẩu gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ tăng tăng nhẹ 3 USD/tấn lên 360 - 365 USD/tấn.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 27/12/2019

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 27/12/2019	So với ngày 17/12/2019 (%)	So với ngày 27/11/2019 (%)	So với ngày 01/01/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	389,3	0,5	4,3	3,5
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	553,0	1,2	5,0	8,8
Lúa mạch	UScent/bushel	285,5	-7,0	-9,8	2,6
Đậu tương	UScent/bushel	947,8	1,1	7,5	4,6
Khô đậu tương	USD/tấn	303,9	-0,1	2,6	-2,5
Dầu đậu tương	UScent/bushel	35,0	3,0	14,7	23,9
Hạt cải	CAD/tấn	479,5	1,3	4,6	-1,4
Ca cao	USD/tấn	2.405,0	-5,5	-7,4	-0,2
Đường thô	UScent/lb	13,4	1,1	5,1	13,1
Nước cam	UScent/lb	99,9	1,8	0,1	-18,7
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.301,0	-9,2	-4,9	-14,9
Cà phê Arabica	UScent/lb	127,5	-6,1	10,9	22,5
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	422,3	2,8	1,5	26,1
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	365,0	0,6	0,8	-4,9
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	435,0	5,8	6,1	11,5
Cao su Toccom	JPY/kg	198,5	-1,3	5,1	18,1

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHẬP KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO NHẬT BẢN TĂNG LIÊN TIẾP TRONG 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

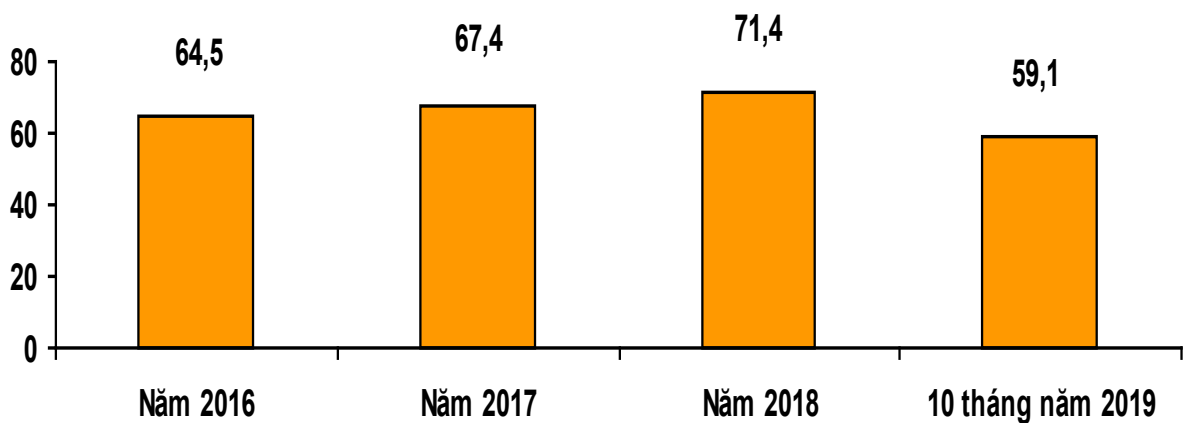


Theo thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản tăng trưởng bình quân 11% trong giai đoạn năm 2016 - 2018. Riêng trong

10 tháng năm 2019, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản đạt 59,1 tỷ USD, tăng 0,31% so với cùng kỳ năm 2018.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nhật Bản qua các năm

(Đvt: tỷ USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản 10 tháng năm 2019, hàng thủy sản chiếm 25,3% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, chiếm 18% và thịt và nội tạng động vật ăn được chiếm 14,7%.

Các nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất vào Nhật Bản vẫn là Mỹ, Trung Quốc, Canada, Chile, Nga...

Thủy sản là mặt hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất của Nhật Bản trong 10 tháng năm 2019, đạt 14,8 tỷ USD, giảm 0,43% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó, nhập khẩu chủng loại thủy sản chưa qua chế biến giảm 1,54%, trái lại, nhập khẩu chủng loại thủy sản đã qua chế biến tăng 1,53%.

Nhật Bản là quốc gia nhập khẩu hàng đầu thế giới sản phẩm thủy sản chế biến (HS 16), chiếm 13,3% tổng cầu thế giới. Đáng chú ý, nhập khẩu thủy sản chế biến vào Nhật Bản tăng liên tục trong những năm gần đây. Trung Quốc và Thái Lan là 2 nguồn cung chính sản phẩm thủy sản đã qua chế biến vào Nhật Bản trong 10 tháng năm 2019, chiếm 74% tổng trị giá nhập khẩu, bỏ khoảng cách khá xa so với các nguồn cung khác tại Nhật Bản. Việt Nam là nguồn cung mặt hàng này lớn thứ tư vào Nhật Bản sau Trung Quốc, Thái Lan và Mỹ, chiếm 6,9% thị phần, tăng so với mức 6,7% của 10 tháng năm 2018. Với tiềm năng, thế mạnh về ngành thủy sản, dự báo thị phần hàng thủy sản Việt Nam tại Nhật Bản sẽ tiếp

tục mở rộng trong thời gian tới.

Nhập khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ vào Nhật Bản giảm trong 10 tháng năm 2019, giảm 2,64% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân là do giảm nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ nguyên liệu (HS 44), giảm 3,35%. Trái lại, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ (HS940330, 940340, 940350, 940360) vào Nhật Bản tăng 2,67%.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế, hàng năm, Nhật Bản nhập khẩu trên 1 tỷ USD sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ. Nguồn cung đồ nội thất bằng gỗ (phần lớn là mặt hàng có mã HS 940360- đồ nội thất phòng khách và phòng ăn bằng gỗ) vào Nhật Bản chủ yếu là Trung Quốc và Việt Nam (chiếm 81,6% tổng trị giá nhập khẩu). Với lợi thế về thuế quan từ Hiệp định CPTPP mà Việt Nam và Nhật Bản đã ký kết, đồng thời năng lực chế biến của các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng được cải thiện, mẫu mã đa dạng phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ... sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp gỗ Việt Nam tăng thị phần tại Nhật Bản.

Đối với mặt hàng trái cây và các loại hạt ăn được, vỏ trái cây hoặc dưa (HS 08), là mặt hàng nhập khẩu vào Nhật Bản có trị giá tăng trong 10 tháng năm 2019, tăng 2,17% so với cùng kỳ năm 2018. Nhu cầu đối với mặt hàng trái cây tại Nhật Bản tăng mạnh trong những năm gần đây, đạt mức kỷ lục trong năm 2018 là 3,43 tỷ USD.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản 10 tháng năm 2019

Mặt hàng	Nhật Bản nhập khẩu từ thế giới (triệu USD)			Thị phần Việt Nam tại Nhật Bản (%)	
	10 tháng năm 2019	10 tháng năm 2018	So sánh (%)	10 tháng năm 2019	10 tháng năm 2018
Tổng	59.127	58.946	0,31	4,0	3,68
Hàng thủy sản	14.834	14.898	-0,43	12,5	11,62
Thủy sản chưa qua chế biến	9.357	9.503	-1,54	4,92	4,92
Thủy sản chế biến	5.477	5.395	1,53	7,58	6,7
Gỗ và sản phẩm gỗ	10.322	10.601	-2,64	11,09	9,18
Nguyên liệu gỗ	9.027	9.340	-3,35	8,96	7,07
Đồ nội thất bằng gỗ	1.295	1.261	2,67	25,89	24,82
Thịt và nội tạng ăn được	9.077	8.687	4,5	0	0
Ngũ cốc	4.983	5.060	-1,52	0,01	0
Gạo	430	273	57,35	0,05	0,02

Mặt hàng	Nhật Bản nhập khẩu từ thế giới (triệu USD)			Thị phần Việt Nam tại Nhật Bản (%)	
	10 tháng năm 2019	10 tháng năm 2018	So sánh (%)	10 tháng năm 2019	10 tháng năm 2018
Hạt đậu và trái cây có dầu; ngũ cốc, hạt và trái cây	3.978	3.973	0,13	0,17	0,12
Trái cây và các loại hạt ăn được, vỏ trái cây hoặc dừa	3.005	2.941	2,17	0,95	1,06
Sản phẩm từ sữa, trứng chim, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật...	1.600	1.526	4,84	0,16	0,15
Các chế phẩm của rau, trái cây, các loại hạt hoặc các bộ phận khác của cây	2.921	2.891	1,05	1,44	1,18
Rau ăn được và một số rễ và củ	2.054	2.156	-4,76	1,64	1,35
Cà phê, chè, maté và gia vị	1.513	1.516	-0,2	9,04	11,84
Hạt tiêu	79	99	-20,64	9,11	9,54
Chè	133	163	-18,33	0,99	0,84
Các chế phẩm ăn được	1.372	1.442	-4,81	3,55	3,49
Ca cao và các chế phẩm ca cao	807	809	-0,2	0,14	0,12
Sản phẩm có nguồn gốc động vật, không được ghi rõ hoặc bao gồm ở nơi khác	595	570	4,38	1,31	0,41
Cây sống và các loại cây khác; củ, rễ và những thứ tương tự, hoa và tán lá trang trí	493	496	-0,48	6,28	6,3
Sản phẩm của ngành công nghiệp xay xát, mạch nha, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	441	430	2,68	0,11	0,07
Cao su	354	380	-6,85	0,05	-
Động vật sống	202	187	8,24	1,71	0,47
Nguyên liệu tét rau, sản phẩm rau không được chỉ định hoặc bao gồm ở nơi khác	145	111	30,68	0,91	1,49

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Nhu cầu đối với hàng nông, lâm, thủy sản tại Nhật Bản đã tăng trưởng trở lại sau khi giảm tốc trong giai đoạn năm 2012 - 2015. Nhật Bản là thị trường lớn nhưng cũng rất khắt khe trong quy định nhập khẩu. Với hàng nông sản nhập khẩu, Nhật Bản không chỉ tiến hành kiểm tra, xét nghiệm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật hoặc dư lượng kháng sinh mà còn phải nắm bắt được việc trồng trọt, kỹ thuật nuôi trồng... Sản phẩm phải được truy xuất nguồn gốc thì mới đạt yêu cầu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Với sản phẩm gỗ, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng là Tiêu chuẩn JAS và Tiêu chuẩn JIS về dư lượng formaldehyde có trong sản phẩm. Các tiêu chuẩn này bắt buộc áp dụng với các sản phẩm gỗ dán, ván dăm bào, ván xây dựng, ván phủ mặt, ván sàn, mặt cầu thang... Mỗi loại sản phẩm phải có giấy chứng nhận riêng phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng....

Ngoài ra, hệ thống phân phối hàng hóa tại Nhật Bản rất phức tạp với nhiều cấp khác nhau, đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường này phải có quan hệ tốt với các nhà nhập khẩu trung gian thông qua các Hiệp hội ngành hàng.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, mặc dù có lợi thế lớn trong hoạt động giao thương với Nhật Bản khi cùng tham gia Hiệp định CPTPP, tuy vậy, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản, doanh nghiệp và các ngành hàng cần nghiên cứu, khảo sát cụ thể nhu cầu của thị trường, xây dựng chiến lược marketing phù hợp, các sản phẩm có mẫu mã, màu sắc, bao bì sản phẩm phải phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời, cần tích cực tham gia các hội thảo, giao thương, các chương trình xúc tiến thương mại nhằm giới thiệu hàng hóa cũng như thế mạnh của doanh nghiệp, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường.

► Ngày 24/12/2019, huyện Vĩnh Cửu (tỉnh Đồng Nai) tổ chức chương trình triển lãm, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tham gia triển lãm có hơn 40 sản phẩm nông nghiệp tươi như: Xoài ở Phú Lý, Mã Đà; bưởi ở Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình; ổi, mít, rau sạch ở Vĩnh Tân... và các sản phẩm đã qua chế biến như tinh dầu bưởi, mút bưởi, rượu bưởi... của các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ nông dân tiêu biểu trên địa bàn các xã, thị trấn. Chương trình đã thu hút sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và các doanh nghiệp bán lẻ, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp sạch trong và ngoài tỉnh.

► Ngày 19/12/2019, tại Vườn hoa Lý Thái Tổ (Hà Nội) đã diễn ra Lễ khai mạc Tuần lễ sản phẩm cam sành, sản phẩm OCOP và sản phẩm tiêu biểu tỉnh Hà Giang niên vụ 2019-2020. Tới dự Lễ khai mạc có Lãnh đạo Bộ Công Thương, Lãnh đạo Hội Nông dân Việt Nam, Lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội, Lãnh đạo tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Giang. Đây là một trong những hoạt động quảng bá sản phẩm tiêu biểu của các địa phương tại Hà Nội. Tuần lễ cam sành và các sản phẩm OCOP tỉnh Hà Giang là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng nhằm tuyên truyền quảng bá cho các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP của tỉnh Hà Giang, đưa sản phẩm đặc sản, nông sản an toàn của Hà Giang tới người dân thủ đô cũng như du khách trong nước và quốc tế, qua đó kết nối cung cầu giữa các nhà sản xuất và các nhà phân phối, tạo nguồn cung sản phẩm nông sản an toàn phục vụ người tiêu dùng cả nước.

► Trang chủ của Bộ Tài chính Trung Quốc thông báo nước này sẽ hạ thuế nhập khẩu đối với hơn 850 mặt hàng kể từ ngày 01/01/2020, trong đó có thịt lợn đông lạnh, quả bơ và một số chất bán dẫn. Đáng chú ý là thuế đối với các mặt hàng thịt lợn đông lạnh

sẽ giảm từ 12% xuống 8%. Ngoài ra, một số sản phẩm công nghệ thông tin sẽ được giảm thuế hơn nữa kể từ ngày 01/7/2020. Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm thuế theo thỏa thuận tự do thương mại nước này ký riêng với New Zealand, Peru, Costa Rica, Thụy Sĩ, Iceland, Singapore, Australia, Hàn Quốc, Gruzia, Chile, Pakistan.



► Từ ngày 20 - 25/12/2019, Hội chợ triển lãm Nhịp cầu xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp 2019 với chủ đề "Sản phẩm OCOP (chương trình mỗi xã một sản phẩm) - Phát huy giá trị bản địa" đã đón trên 20.000 lượt khách tham quan và mua sắm. Hội chợ "Sản phẩm OCOP - Phát huy giá trị bản địa" đã thu hút hơn 300 gian hàng của hơn 100 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia; trong đó, gồm các khu vực trưng bày như: Trưng bày giới thiệu các sản phẩm OCOP của tỉnh; trưng bày triển lãm các sản phẩm làng nghề; triển lãm của sở, ngành, huyện, thị, thành phố trong tỉnh; các doanh nghiệp trong tỉnh Đồng Tháp; trưng bày giới thiệu sản phẩm OCOP của các tỉnh, thành phố trong cả nước như Đắk Lắk, Bình Dương, Tây Ninh, Tiền Giang, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An. 70 sản phẩm OCOP đạt hạng từ 3 sao đến 4 sao của Đồng Tháp đã được giới thiệu rộng rãi đến người tiêu dùng tại Hội chợ triển lãm Nhịp cầu xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp 2019.